

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2024

V/v: Ly hôn giữa chị L và anh M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nguyễn Thành Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Duyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hùng M, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2018, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hùng M quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26-12-2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và do anh M không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc chị L nên anh chị thường xuyên

cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. chị L và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hiện nay chị L không còn tình cảm với anh M nữa.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hùng M: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa anh M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Hùng M chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh M vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hùng M chung sống với nhau vào năm 2018 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được UBND phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26-12-2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L:* Vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hùng M không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của chị L tại Tòa án: Chị L và anh M có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và do anh M không chăm lo làm ăn, quan tâm chăm sóc chị L nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị L và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay mà tình cảm vẫn không hàn gắn được. Bên cạnh đó, chị L xác nhận hiện nay chị không còn tình cảm với anh M nữa. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh M là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hùng M không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh M đúng theo quy định pháp luật nhưng anh M vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị L và anh M được. Mặt khác, tại Toà án cũng như tại phiên toà chị L xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh M, anh chị không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Cho nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hùng M.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hùng M không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng chị L được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001008 ngày 05-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị L không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hùng M vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân